



VRV A / X SERIES

VRV A / X MAX

R-410A

Một chiều lạnh 50 Hz

Vượt Mọi Giới Hạn với Sự Sáng Tạo Trong Tiết Kiệm Năng Lượng

Được ra mắt lần đầu tiên tại Nhật vào năm 1982, hệ thống **VRV** của Daikin đã được thị trường thế giới chấp nhận trong hơn 35 năm qua. Bây giờ Daikin tự hào giới thiệu dòng sản phẩm mới **VRV**. Bằng cách kết hợp các công nghệ **VRV**, **VRT** và **VAV**, chúng tôi đã đạt được cả hai tiêu chí về tiết kiệm năng lượng và điều hòa không khí một cách tối ưu.

VRV + VRT + VAV



Video **VRV**
X series / A series

VRV



Tiết kiệm năng lượng và thoải mái

- Kết hợp các công nghệ **VRV**, **VRT** và **VAV**
- Hoạt động êm ái

Thiết kế linh hoạt và lắp đặt đơn giản

- Tính năng tự động nạp môi chất lạnh
- Dây sản phẩm đa dạng

Độ bền cao

- Giải nhiệt bo mạch bằng môi chất lạnh
- Vận hành dự phòng kép
- Dòng sản phẩm chống ăn mòn mạnh

Nội Dung

Thông tin những sản phẩm mới	3	
Lịch sử phát triển VRV	5	
Lợi ích khi sử dụng VRV	7	
VRV X Series	9	
VRV A Series	25	
Tổng quan về dàn lạnh	41	
Dàn lạnh VRV	Loại	
FXFSQ-A	Cassette âm trần đa hướng thổi có cảm biến	45
FXFQ-A	Cassette âm trần đa hướng thổi	51
FXZQ-A	Cassette âm trần nhô gọn 4 hướng thổi	55
FXCQ-A	Cassette âm trần 2 hướng thổi	57
FXEQ-A	Cassette âm trần 1 hướng thổi	59
FXDSQ-A	Giấu trần nối ống gió luồng gió 3D có cảm biến	61
FXDQ-PD/ND	Giấu trần nối ống gió dạng mòng (Tiêu chuẩn)	63
FXDQ-SP	Giấu trần nối ống gió dạng mòng (Nhỏ gọn)	64
FXSQ-PA	Giấu trần nối ống gió áp suất tĩnh trung bình	65
FXMQ-PA	Giấu trần nối ống gió áp suất tĩnh trung bình - cao	67
FXMQ-M	Giấu trần nối ống gió áp suất tĩnh cao	69
FXUQ-A	Áp trần 4 hướng thổi	71
FXHQ-MA/A	Áp trần	72
FXAQ-A	Treo tường	73
FXLQ-MA	Đặt sàn	75
FXNQ-MA	Đặt sàn giấu tường	76
FXVQ-N	Đặt sàn nối ống gió	77
FXPQ-A	Dàn lạnh điểm	78
FXB(P)Q-P	Điều hòa không khí cho phòng sạch	79
Dàn lạnh dân dụng	Loại	
FDXS-EA/C(A), CDXS-EA, FDXS-C	Giấu trần nối ống gió dạng mòng	81
FTKJ-N, FTXJ-N	Treo tường	82
FTKS-D/B/F, FTXS-D/E/F	Treo tường	83
BPMKS-A	Bộ BP	84
Dàn lạnh xử lý không khí AHU		85
Thiết bị xử lý không khí		86
Hệ thống điều khiển		103
Phương pháp lắp đặt chính xác (PPM)		117
Danh sách tùy chọn		121
Hỗ trợ kỹ thuật Daikin		131

*VRV là thương hiệu của Daikin Industries, Ltd.

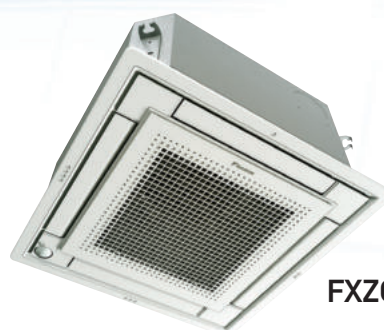
Thông tin những sản phẩm mới



Cassette âm trần nhỏ gọn 4 hướng thổi

Yên tĩnh, nhỏ gọn, được thiết kế để
tạo sự thoải mái cho người dùng

- ✓ Thiết kế nhỏ gọn và thanh lịch
- ✓ Vừa vận trong một ô trần lưới
- ✓ Cảm biến thông minh kép tùy chọn
- ✓ Hiệu suất năng lượng và thoải mái



FXZQ-A



Trang
55

Dàn lạnh giấu trần nối ống gió (Dành cho phòng ngủ)

Trang
64

Chiều rộng nhỏ gọn phù hợp với phòng ngủ

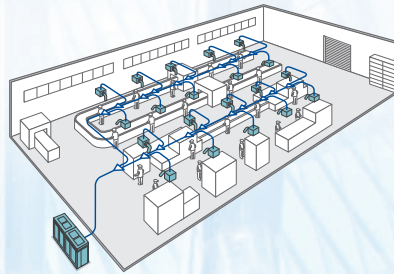
- ✓ Chiều rộng chỉ 700mm (40/50) và 1000mm (63/80)
- ✓ Có thể kết nối ống từ 2 bên
- ✓ Bảo trì dễ dàng



Dàn lạnh điểm

Trang
78

Mang lại sự thoải mái cho từ cá nhân trong không gian rộng.



Điều khiển từ xa có dây thời trang (Stylish Remote)

Trang
103

Bộ điều khiển được thiết kế hoàn chỉnh, nâng cao trải nghiệm người dùng



BRC1H61W (Trắng)



BRC1H61K (Đen)



- ✓ Hai màu để phù hợp nhiều kiểu nội thất
- ✓ Nhỏ gọn, chỉ 85 x 85 mm
- ✓ Cài đặt dễ dàng thông qua điện thoại thông minh (Cho thợ lắp đặt / người quản lý)
- ✓ Cải thiện chức năng Setback giữ cho nhiệt độ phòng thoải mái.

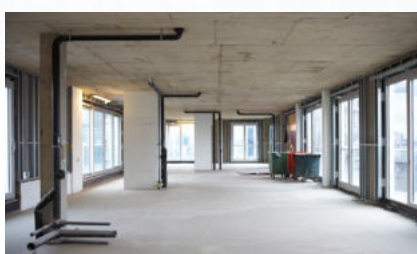


Phương pháp lắp đặt chính xác

Trang
117

Một cuộc cách mạng về đường ống cho hệ thống VRF!

- ✓ Không hàn
- ✓ Tiết kiệm thời gian lắp đặt mà không cần kỹ năng đặc biệt!



Header Pack
(Bộ chia gas nhiều nhánh)



BHF-RHP6Z

Tiết kiệm thời gian sử dụng với kết nối le, đai ốc.

Daikin Gas Tight Joint
(Bộ kết nối ống không hàn)

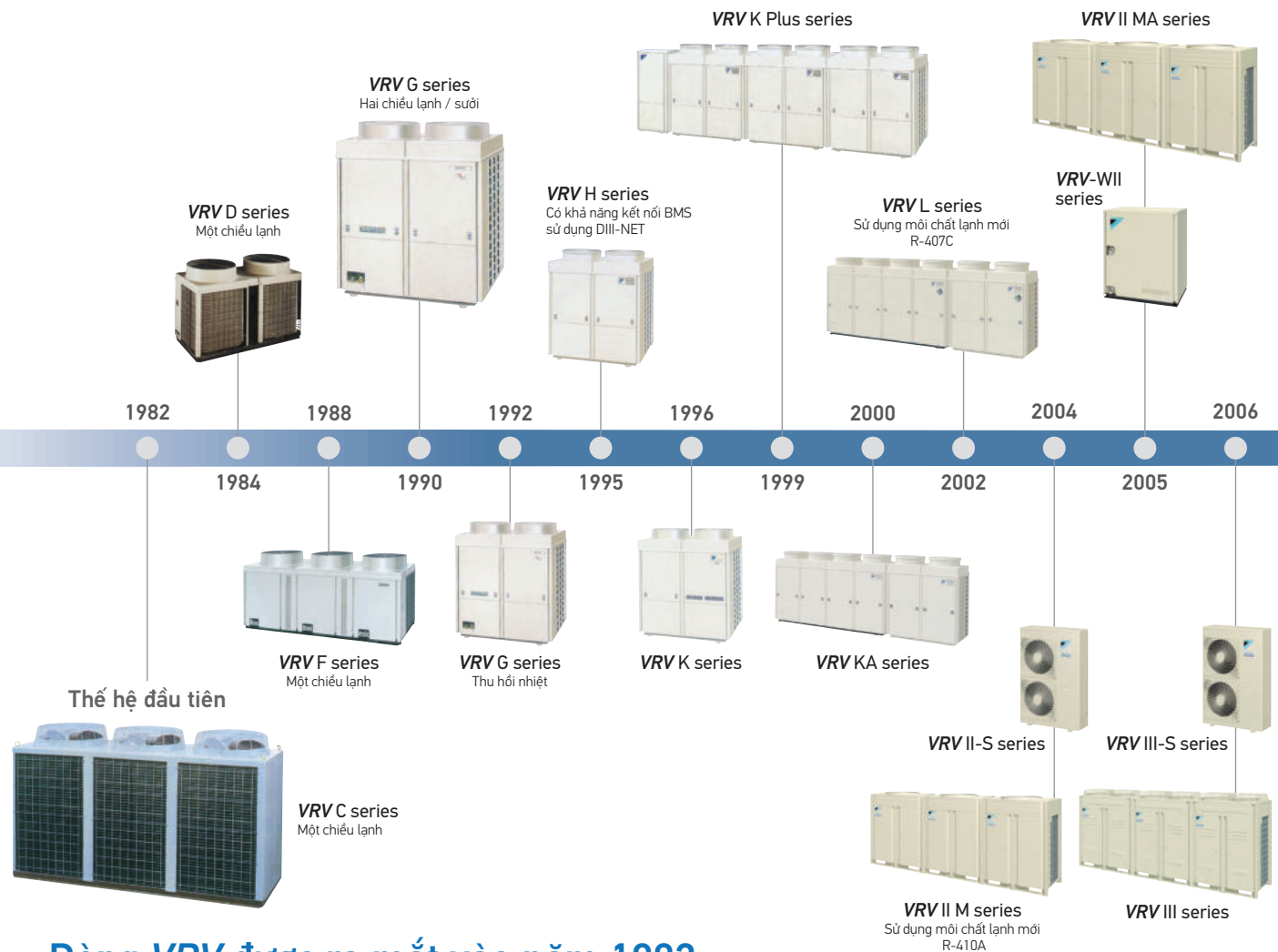


BDGTA

Không cần chứng chỉ nghiệp vụ hàn.

Lịch sử phát triển VRV

Để đáp ứng nhu cầu của thời đại, chúng tôi đã liên tục phát triển các công nghệ để trở thành nhà sản xuất điều hòa không khí hàng đầu trên thế giới.



Dòng VRV được ra mắt vào năm 1982

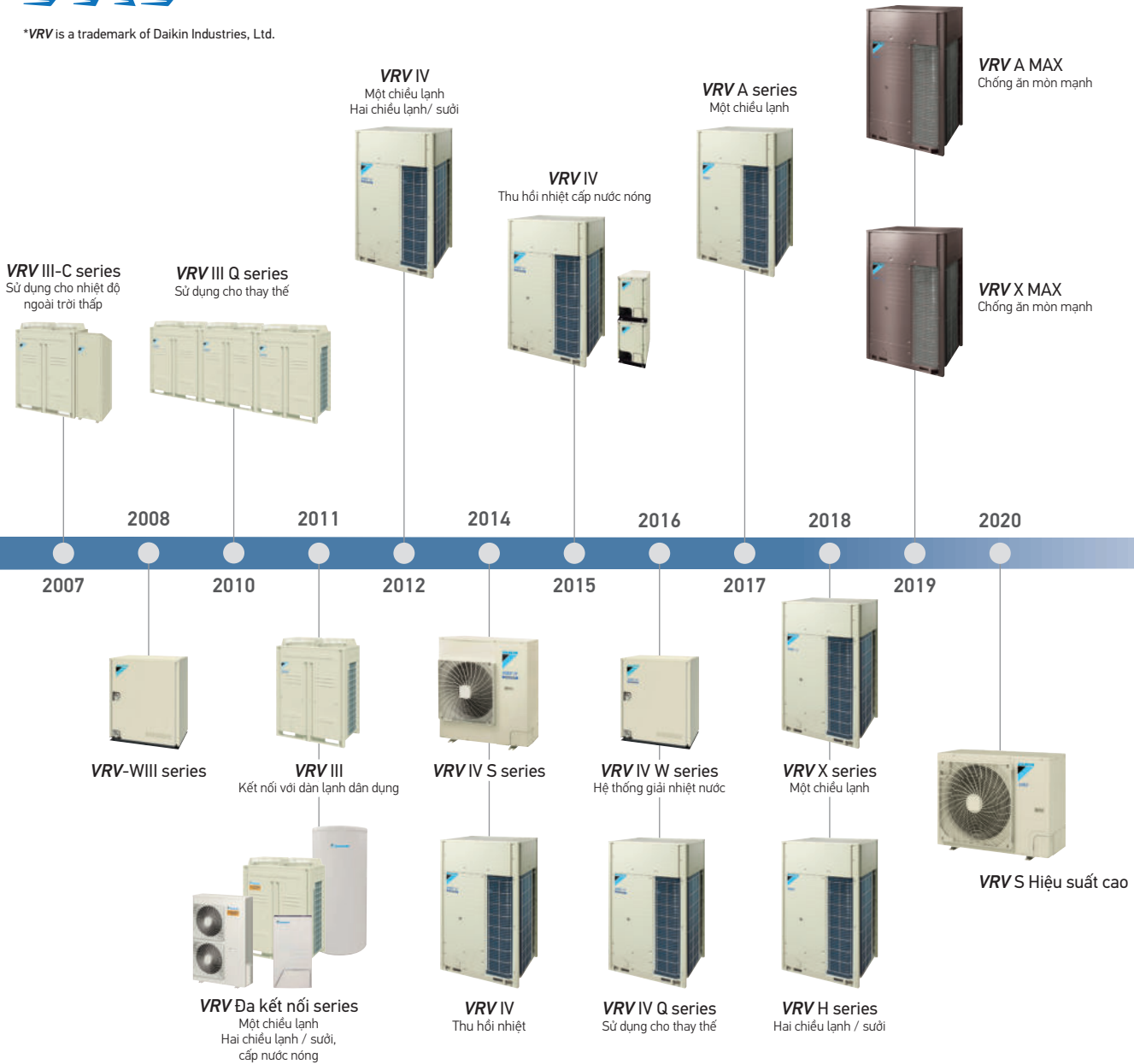
Sự ra đời của các sản phẩm sáng tạo đã thay đổi lịch sử công nghệ điều hòa không khí

- Thời gian phát triển 2.5 năm.
- Hoàn thành phát triển vào tháng 5 năm 1982.
- Giải thưởng công nghệ của xã hội Nhật Bản về kỹ sư điện lạnh và điều hòa không khí năm 1983.

Mở rộng kinh doanh sang nhiều quốc gia
Sản phẩm đang được bán
trên 70 quốc gia



*VRV is a trademark of Daikin Industries, Ltd.



Lợi ích khi dùng VRV

Dành cho CHỦ ĐẦU TƯ

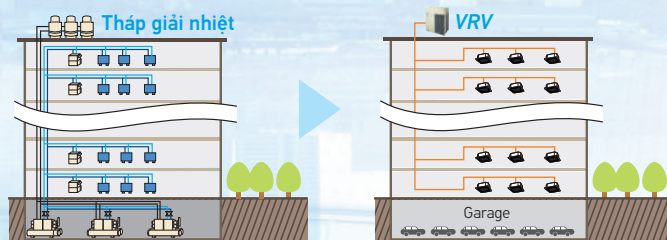
Tiết kiệm năng lượng và môi trường thoải mái

- VRT Smart giảm đáng kể năng lượng bằng cách tối ưu hóa công suất theo tải nhiệt, đặc biệt là trong quá trình vận hành tải ở mức thấp.
- Môi trường bên trong được duy trì sự thoải mái.



Sử dụng không gian hiệu quả

- Hệ thống **VRV** của Daikin được sử dụng để phát triển hệ thống điều hòa không khí quy mô lớn trên một hệ thống môi chất lạnh duy nhất, do đó giảm không gian cần thiết cho thiết bị điều hòa không khí.
- Ngay cả với một tòa nhà 20 tầng, tất cả các dàn nóng có thể được lắp đặt trên tầng thượng.



Độ tin cậy cao

- **Giải nhiệt bo mạch bằng môi chất lạnh**
Khả năng giải nhiệt bằng chất làm lạnh độc quyền của Daikin giúp duy trì khả năng làm lạnh ngay cả khi nhiệt độ ngoài trời cao.
- **Hoạt động dự phòng kép**
Dàn nóng dự phòng & máy nén dự phòng đảm bảo hoạt động liên tục.

Ống môi chất lạnh



Bo mạch



Sự cố

Vận hành khẩn cấp

Vận hành khẩn cấp



Sự cố

Model chống ăn mòn mạnh

Các model chống ăn mòn mạnh cung cấp hoạt động bền bỉ ở khu vực ẩm ướt và ven biển. Ngoài ra, dàn nóng có thể được lắp đặt cách bờ biển 0m.



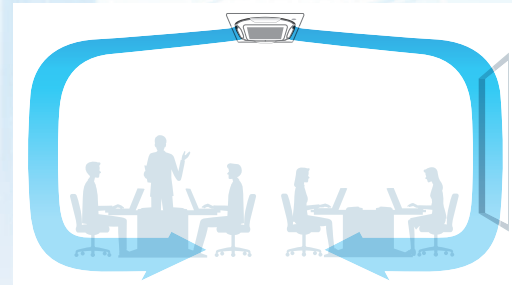
Dành cho NGƯỜI SỬ DỤNG

Môi trường thoải mái

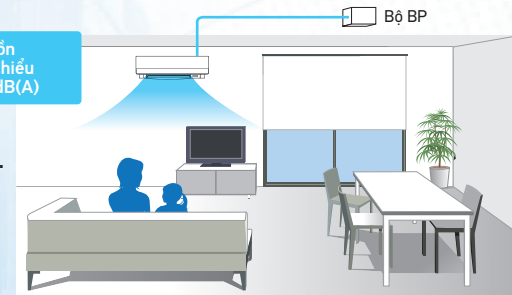
- VRT Smart hoạt động duy trì nhiệt độ trong nhà và đảm bảo một môi trường thoải mái.

Dàn lạnh dân dụng

- Các dàn lạnh dân dụng có thể được kết nối và mang lại hoạt động yên tĩnh.
- Bằng cách cài đặt từ xa một bộ BP, tiếng ồn của môi chất lạnh đi qua đường ống có thể được giảm.



Độ ồn
tối thiểu
19 dB(A)



Dành cho TƯ VẤN THIẾT KẾ

Dãy sản phẩm đa dạng

- Với sự đa dạng của các loại dàn lạnh giúp đảm bảo luồng không khí thoải mái trong mọi không gian.

Đường ống dài giúp thiết kế hệ thống linh hoạt hơn

- Chiều dài đường ống tương đương tối đa giữa dàn lạnh và dàn nóng là 190 m.
- Chênh lệch độ cao tối đa là 90m.

Tương thích với phần mềm kỹ thuật

- Daikin cung cấp phần mềm, kết quả mô phỏng và tài liệu vẽ để hỗ trợ mô hình thông tin tòa nhà (BIM) hiện đang trở thành xu hướng chủ đạo trong ngành xây dựng.

Tiết kiệm năng lượng

- Đạt được giải pháp công trình xanh bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng tiên tiến của Daikin.



CADXpress



Dành cho NGƯỜI LẮP ĐẶT

Tính năng tự động nạp môi chất lạnh

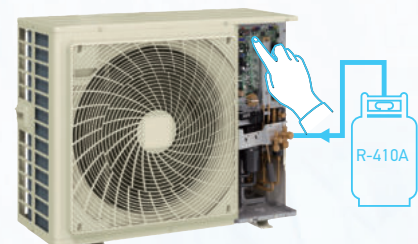
- Tự động nạp lượng môi chất lạnh thích hợp góp phần tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, chất lượng cao hơn và lắp đặt dễ dàng hơn.

Trọng lượng nhẹ và nhỏ gọn với dàn nóng đơn

- Dễ dàng lắp đặt và có thể vận chuyển trong thang máy

Đường ống đơn giản và đi dây điện dễ dàng

- Đường ống kết nối REFNET và hệ thống DIII-NET giúp đơn giản hóa việc lắp đặt đường ống môi chất lạnh và dây dẫn điều khiển.



VRV X SERIES

Một Tầng Cao Mới Trong
Tiết Kiệm Năng Lượng
Khi Vận Hành Thực Tế

Một chiều lạnh

6 HP – 60 HP
(16 kW) (168 kW)



Dàn nóng đơn
RXUQ6-20AYM(W)

Tổ hợp 2 dàn nóng
RXUQ12-40AMYM(W)

Tổ hợp 3 dàn nóng
RXUQ18-20AM1YM(W)
RXUQ42-60AMYM(W)

*(W): Model chống ăn mòn mạnh

Tiết Kiệm Năng Lượng Hơn Trong Vận Hành Tải Thấp

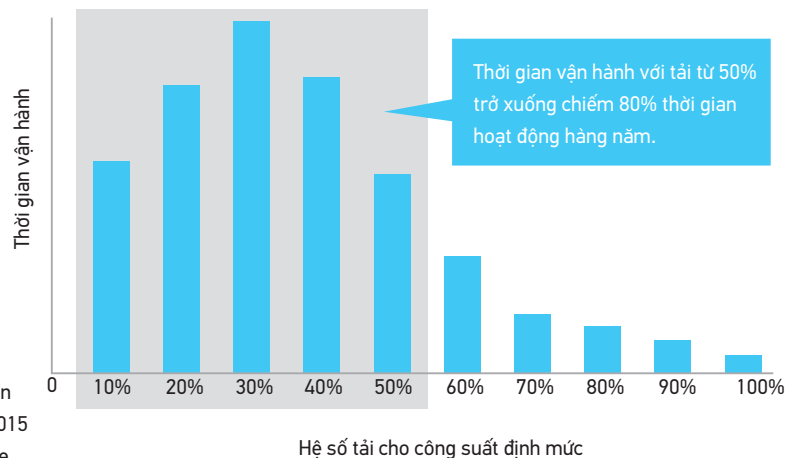
Daikin's VRV X series đã nâng cao tiêu chuẩn về hiệu suất năng lượng.

Chìa khóa để đổi mới
trong tiết kiệm năng lượng

Tăng tính hiệu quả
trong vận hành ở tải thấp.

* Nguồn dữ liệu

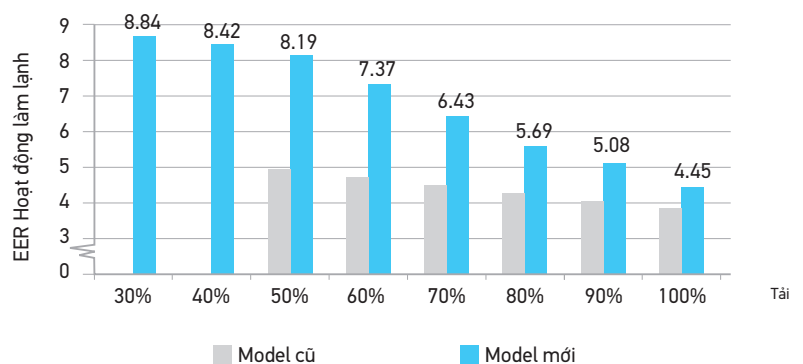
- Số công trình kết nối với Hệ thống dịch vụ mạng điều hòa không khí: 42 dự án.
- Số hệ thống dàn nóng: 535 hệ thống
- Thời gian thu thập dữ liệu: 8:00-18:00, các ngày trong tuần (không bao gồm các ngày nghỉ chính thức), Từ tháng 7-2015 đến tháng 6-2016 tại các tòa nhà văn phòng tại Singapore.



Hiệu suất năng lượng cao hơn (EER) đối với 10 HP

Điện năng tiêu thụ
hàng năm thấp hơn

20%



* Điều kiện thực nghiệm:

- Địa điểm: Bangkok, Thailand
- Hệ thống: Dàn nóng (10 HP) x 1
Dàn lạnh (2 HP, Loại Cassette âm trần đa hướng thổi có cảm biến) x 5
- Thời gian hoạt động: 8:00-20:00 5 ngày/tuần
- Dàn nóng: Model mới: RXUQ10A (VRV X series)
Model cũ: RXQ10T (VRV IV)

* Điều kiện vận hành làm lạnh:

- Nhiệt độ bên trong 27°CDB, 19°CWB, và Nhiệt độ bên ngoài 35°CDB.

Công Nghệ Tiên Tiến

Công nghệ tiên tiến để tiết kiệm năng lượng hơn

Bằng cách kết hợp các công nghệ phần mềm và phần cứng tiên tiến để tiết kiệm năng lượng trong quá trình vận hành thực tế và đặc biệt khi kết hợp các công nghệ của VRV, VRT và VAV, chúng tôi đã đạt được cả hai tiêu chí tiết kiệm năng lượng và điều hòa không khí một cách tối ưu.

Công nghệ phần mềm

Điều khiển VRT Smart

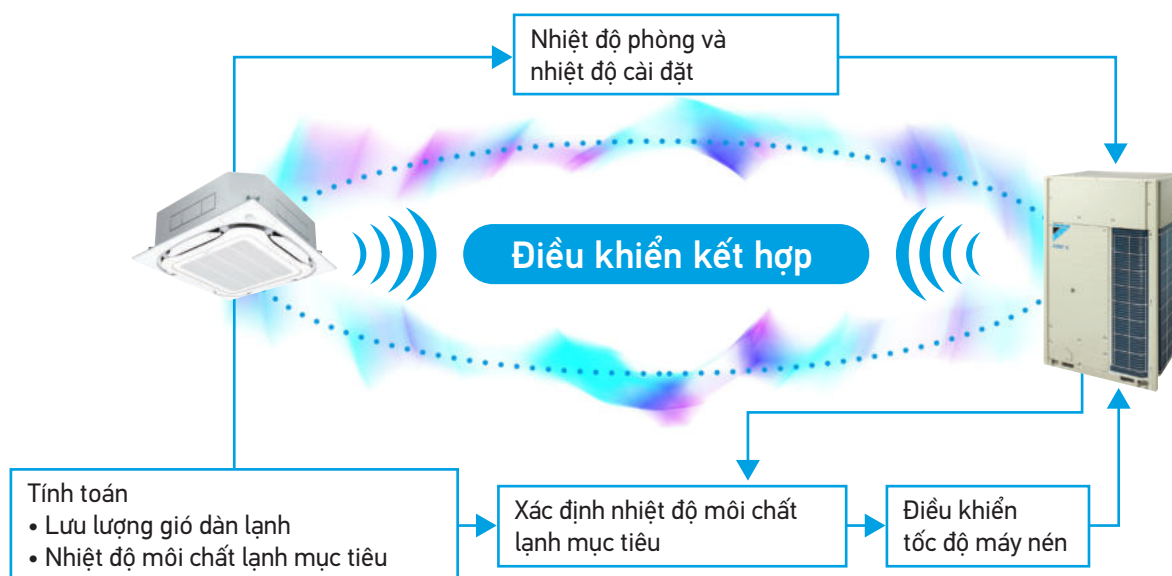
Kiểm soát môi chất lạnh giúp tiết kiệm năng lượng tự động



Video tính năng
điều khiển
VRT Smart

■ Tối ưu trong việc chỉ cung cấp cho những dàn lạnh cần thiết

- Giảm tải máy nén và giảm thiểu tổn thất khi vận hành nên tiết kiệm năng lượng
- Kiểm soát công suất theo tải để đảm bảo nhiệt độ phòng không đổi mang lại sự thoải mái hơn.



* Để biết phân loại dàn lạnh (điều khiển VRT Smart và điều khiển VRT), hãy tham khảo bảng dây sản phẩm dàn lạnh.

VRV + VRT + VAV

Công nghệ phần cứng

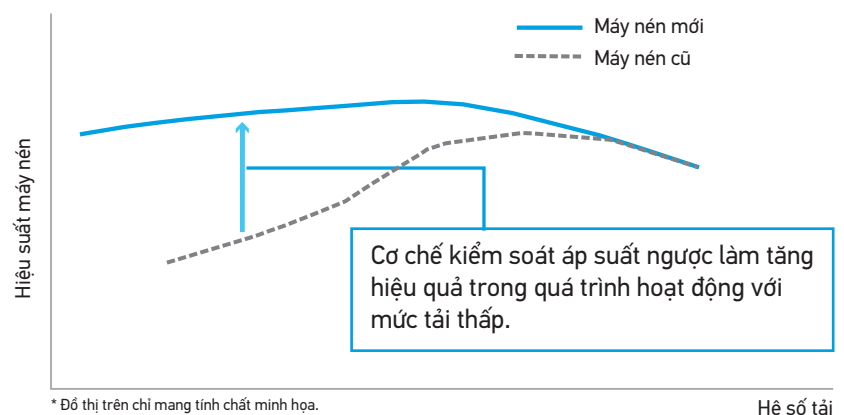
Máy nén xoắn ốc mới



Video
Máy nén xoắn
ốc mới

■ Sự rò rỉ môi chất lạnh được giảm tối thiểu trong quá trình hoạt động khi tải thấp

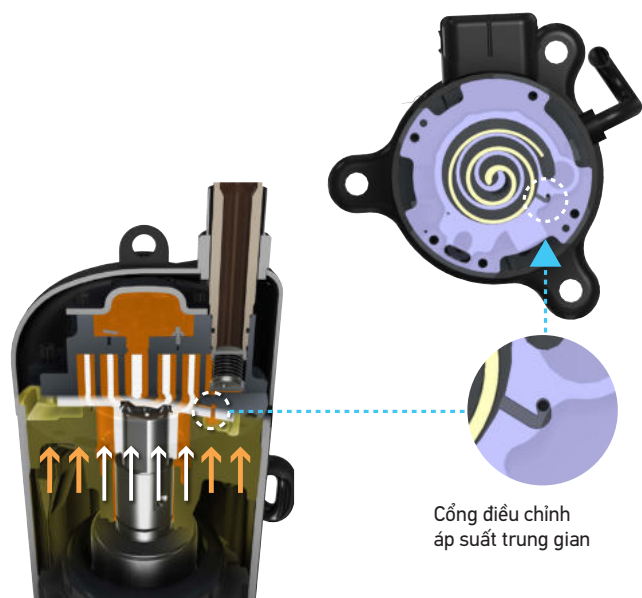
- Sự tổn thất công suất hoạt động do rò rỉ môi chất lạnh được giảm thiểu do cơ chế kiểm soát áp suất ngược độc quyền nhằm đảm bảo vận hành hiệu quả khi tải thấp.



■ Cơ chế kiểm soát áp suất ngược

Cơ chế áp suất trung gian mới

Lực cuộn đĩa nén động được tối ưu hóa theo điều kiện vận hành.
Sự vận hành của đĩa nén động đã được ổn định để tăng hiệu quả trong vận hành khi tải thấp.



Công nghệ tiên tiến

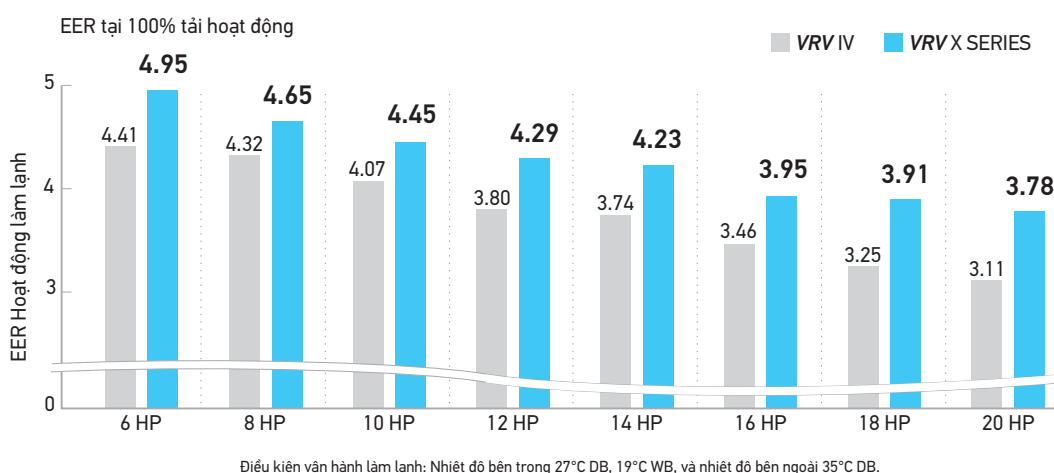
Kiểm soát nhiệt độ dầu tiên tiến

Nguồn điện dự phòng cần thiết để làm nóng trước cho dầu lạnh đã được giảm tới 65,4% giúp tiết kiệm năng lượng khi máy điều hòa không khí ngừng hoạt động.

* Điều kiện tính toán vận hành: VRV X series 14 HP
Địa điểm: Singapore
Thời gian hoạt động: 08:00–18:00 các ngày trong tuần

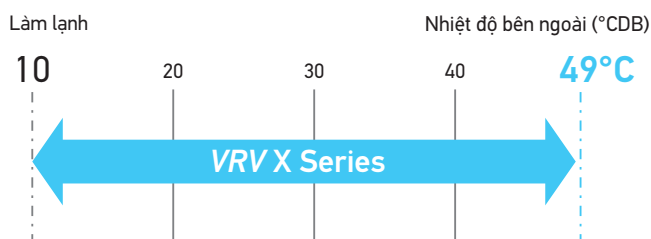
Giảm
65.4%

Hiệu suất cao hơn được cung cấp trong quá trình hoạt động định mức



Dải nhiệt độ hoạt động lên đến 49°C

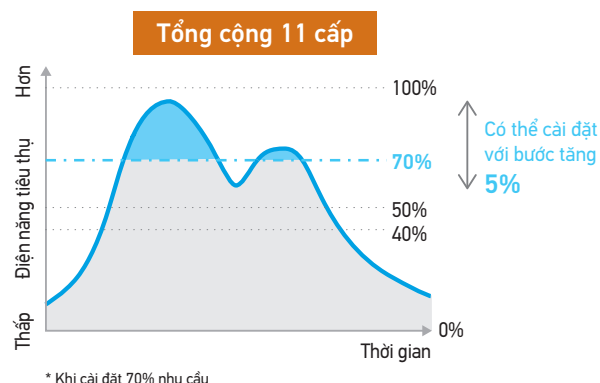
Chú ý: Khi nhiệt độ ngoài trời xuống dưới 10°C, bộ điều nhiệt tắt, các dàn nóng dừng lại, và hoạt động chuyển từ làm lạnh sang vận hành quạt.



Tính năng I-demand

Có thể thực hiện cắt giảm công suất định tùy theo từng trường hợp cụ thể.

* Cài đặt trên bo mạch dàn nóng.



Áp suất tĩnh ngoài cao

VRV X series đã đạt được áp suất tĩnh bên ngoài cao lên đến **78.4 Pa**.

Chức năng tự động nạp môi chất lạnh

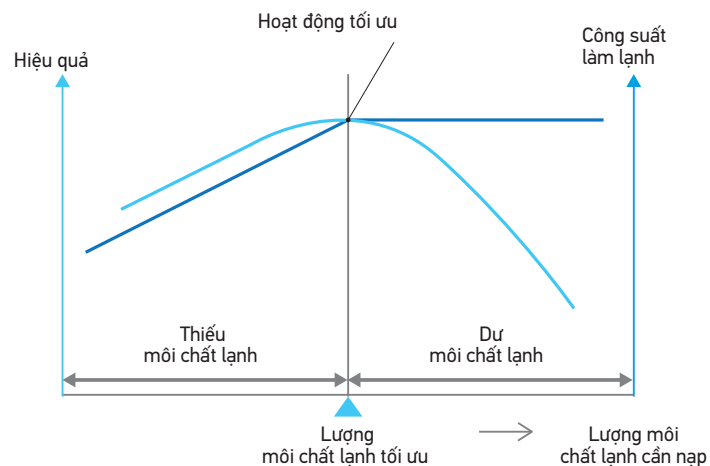
Góp phần tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, chất lượng cao hơn và dễ dàng lắp đặt hơn.

Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động

Chức năng này ngăn ngừa sự thiếu hụt công suất hoặc mất năng lượng do môi chất lạnh quá nhiều hoặc không đủ.



Video tính năng tự động nạp môi chất lạnh



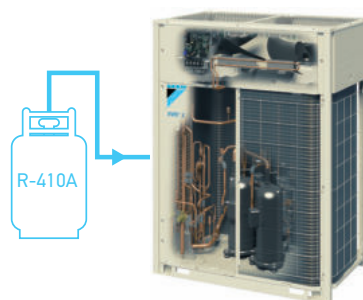
Lắp đặt dễ dàng và chất lượng cao

Chức năng tự động nạp môi chất lạnh sẽ tự động hóa việc nạp một lượng môi chất lạnh thích hợp và đóng van chặn một cách đơn giản bằng cách nhấn nút sau khi đã nạp trước.

1 Tính toán lượng môi chất lạnh cần thiết từ bản vẽ thiết kế.



2 Nạp trước môi chất lạnh



3 Bắt đầu vận hành nạp môi chất tự động



- Tự động hoàn thành việc nạp môi chất bổ sung với khối lượng thích hợp
- Không cần phải giám sát quá trình nạp môi chất
- Không cần phải tính lại lượng môi chất bổ sung khi có những thay đổi nhỏ hoặc thay đổi cục bộ.

* Các điều kiện của phạm vi nhiệt độ môi trường mà có thể sử dụng tính năng tự động nạp môi chất lạnh. Tham khảo hướng dẫn cài đặt để biết thêm chi tiết.

* Lượng môi chất lạnh được nạp tự động có thể khác với lượng môi chất lạnh bổ sung được cung cấp từ các tính toán, nhưng sẽ không có vấn đề về hiệu suất và chất lượng.

Thoải mái & Tin cậy

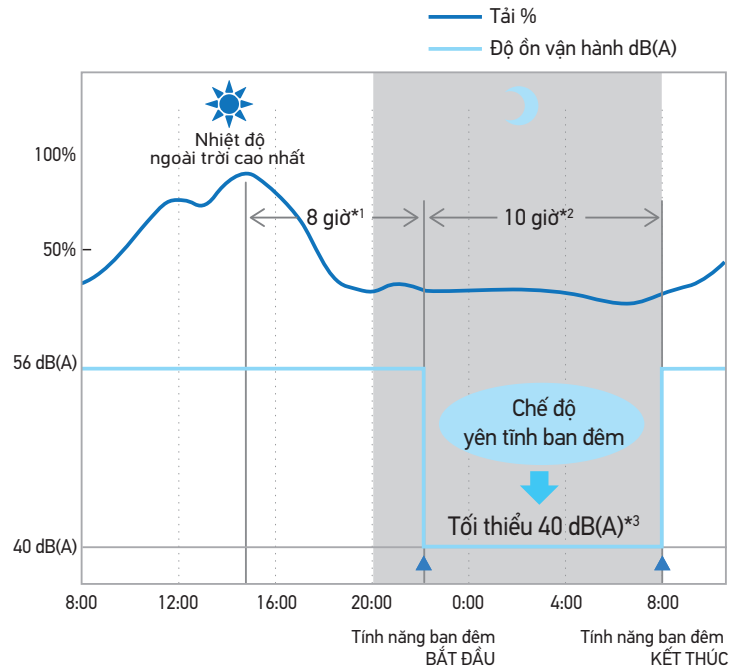
Thoải mái

Tính năng hoạt động êm ban đêm

Chức năng hoạt động yên tĩnh vào ban đêm sẽ tự động triệt tiêu âm thanh hoạt động vào ban đêm bằng cách giảm công suất hoạt động để duy trì môi trường yên tĩnh của khu vực lân cận. Ba chế độ có thể lựa chọn có sẵn tùy thuộc vào mức độ yêu cầu.

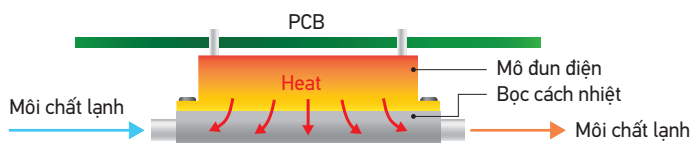
*1. 8 giờ là đặt mặc định. Có thể cài đặt 6, 8 hoặc 10 giờ.
*2. 9 giờ là đặt mặc định. Có thể cài đặt 8, 9 hoặc 10 giờ.
*3. Trong trường hợp dàn nóng 10HP.

Chú ý: • Chức năng này có sẵn trong cài đặt tại công trình.
• Âm thanh vận hành ở chế độ vận hành yên tĩnh là giá trị thực tế do công ty chúng tôi đo lường.
• Mối quan hệ của nhiệt độ ngoài trời (tải) và thời gian được trình bày ở trên chỉ là một ví dụ.

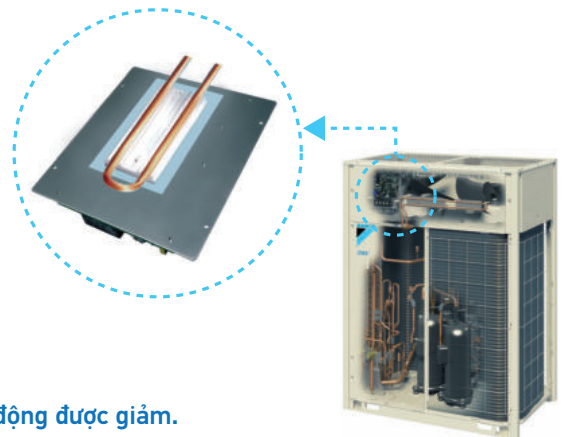


Công nghệ đáng tin cậy và ổn định

Độ an toàn cao cả khi nhiệt độ môi trường cao



Sử dụng môi chất lạnh để làm mát mô-đun inverter sẽ giúp giảm thiểu kích cỡ của các thành phần điện tử, và nó giúp giảm sự cản trở dòng không khí và tăng hiệu suất cho máy.



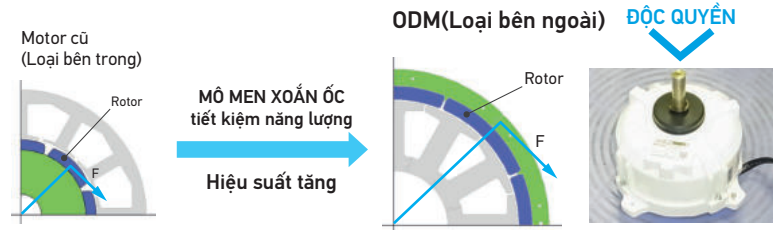
Ti lệ lỗi của bảng điều khiển khi hoạt động được giảm.

Điều này cho phép

- Phù hợp với nhiệt độ môi trường cao
- Thu nhỏ các thành phần điện tử

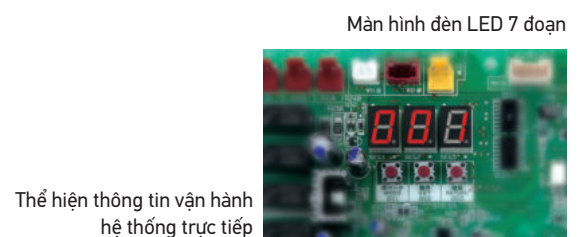
Động cơ ODM (ODM)

Daikin là nhà sản xuất duy nhất áp dụng động cơ ODM với tính năng quay ổn định và hiệu quả về mặt thể tích.



Chức năng hiển thị thông tin bằng đèn LED

VRV X series sử dụng đèn LED 7 đoạn để hiển thị thông tin vận hành hệ thống, cho phép hiển thị trạng thái vận hành, tạo thuận lợi cho việc vận hành và thực hiện các dịch vụ sau bán hàng một cách dễ dàng.

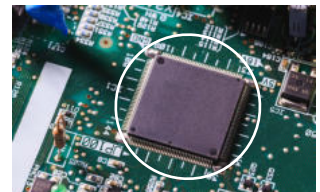
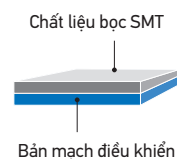


Công nghệ bọc SMT*

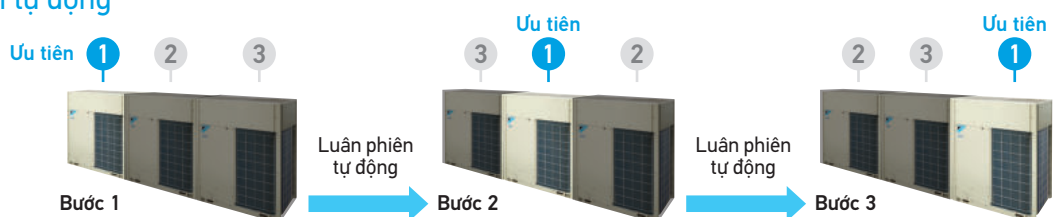
- Cải thiện đặc tính chống nhiễu.
- Bảo vệ bản mạch điều khiển của máy tính chống lại ảnh hưởng của cát và thời tiết ẩm ướt.

*SMT: Công nghệ kết dính bề mặt

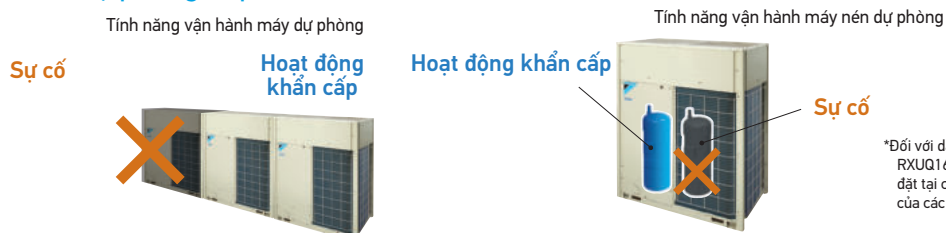
Bề mặt bản điều khiển máy tính ứng dụng công nghệ công nghệ bọc SMT



Vận hành luân phiên tự động

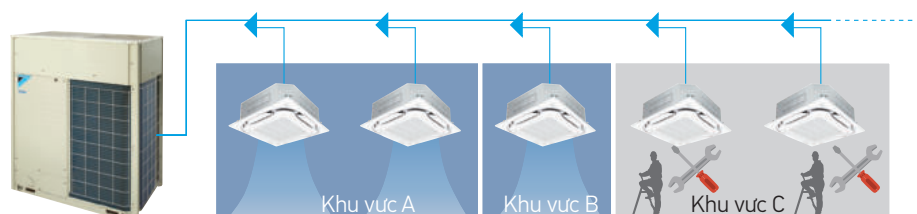


Tính năng vận hành dự phòng kép



Bảo trì dễ dàng

Có thể cung cấp tính năng bảo trì * mà không cần tắt toàn bộ hệ thống VRV.



*Cài đặt tại công trình.
Tính năng này không áp dụng đối với kết nối dàn lạnh dàn dùng.
Liên hệ Daikin để biết thêm chi tiết.

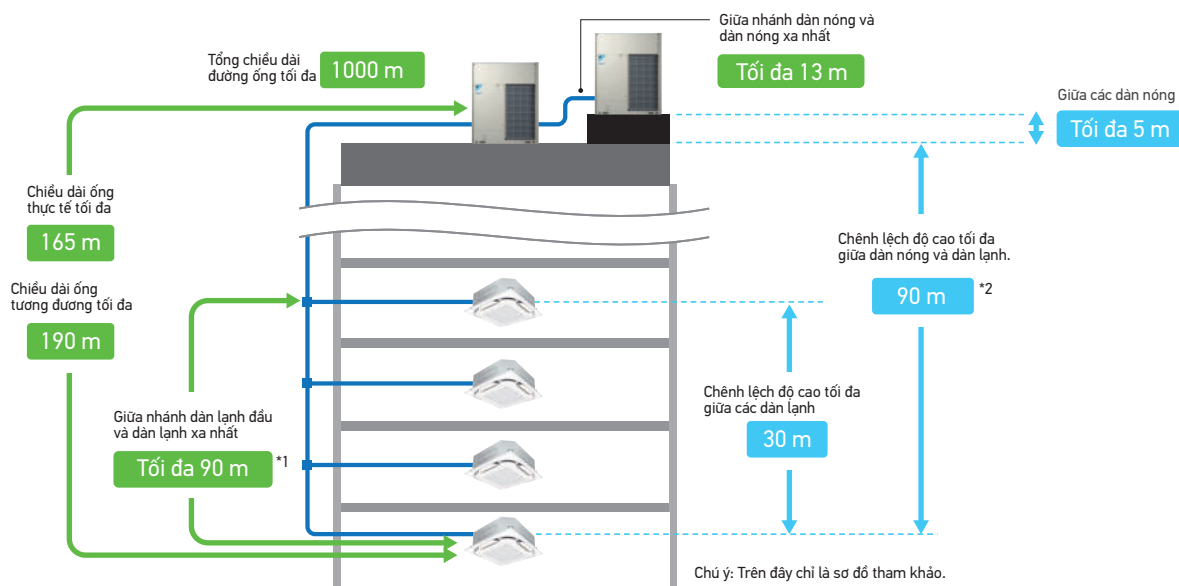
Thiết kế hệ thống linh hoạt

Nhiều lựa chọn cho vị trí lắp đặt

Giới hạn đường ống dài

Chiều dài đường ống dài giúp việc thiết kế linh hoạt hơn, có thể phù hợp với các tòa nhà có kích thước lớn.

Khi chỉ kết nối với dàn lạnh VRV



Chiều dài đường ống cho phép tối đa	Chiều dài đường ống thực tế (Tương đương)	165 m (190 m)
	Tổng chiều dài đường ống	1000 m
	Giữ nhánh dàn lạnh đầu tiên và dàn lạnh xa nhất	90 m ^{*1}
	Giữa nhánh dàn nóng và dàn nóng xa nhất (Tương đương)	10 m (13 m)
Chênh lệch độ cao cho phép tối đa	Giữa các dàn nóng (Tổ hợp)	5 m
	Giữa các dàn lạnh	30 m
	Giữa các dàn nóng và dàn lạnh	90 m ^{*2}

^{*1} Không có yêu cầu đặc biệt nào đến 40m. Chiều dài ống thực tế tối đa là 90m tùy điều kiện. VRV X series dễ dàng mở rộng lên đến 90 m bằng cách giảm thiểu các điều kiện từ các model VRV IV thông thường. Hãy xem sách hướng dẫn kỹ thuật để biết thêm chi tiết về các điều kiện và yêu cầu này.

^{*2} Khi chênh lệch độ cao >=50, phải tăng kích cỡ đường kính ống lỏng chính. Nếu dàn nóng cao hơn dàn lạnh, phải thực hiện cài đặt thêm trên dàn nóng. Vui lòng tham khảo tài liệu kỹ thuật và đại lý tại khu vực của bạn để biết thêm thông tin chi tiết.

Tỷ lệ kết nối

Công suất kết nối tối đa là 200%

Tỷ lệ kết nối
50%–200%

Điều kiện của công suất kết nối dàn lạnh VRV

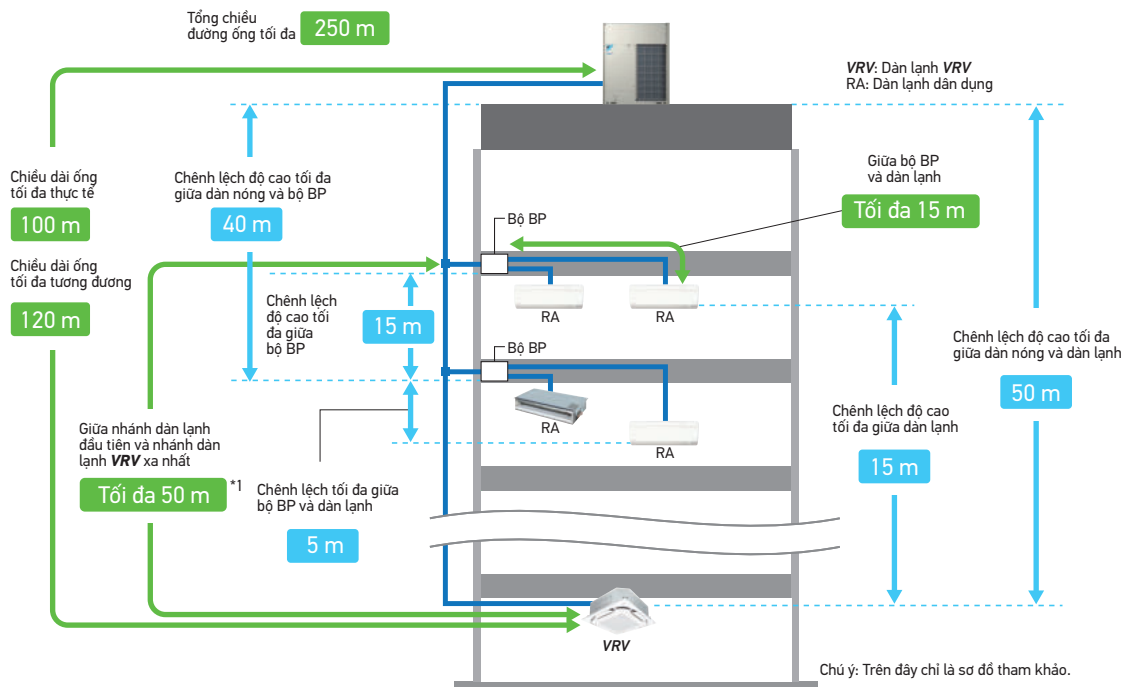
Các dàn lạnh VRV thích hợp	FXSQ FXDQ FXMQ-PA FXAQ FXB(P)Q	Các kiểu dàn lạnh VRV khác ^{*1}
Dàn nóng đơn	200%	
Tổ hợp 2 dàn nóng		
Tổ hợp 3 dàn nóng		
		200% 160% 130%

^{*1} Đối với các model FXF(S)Q25, FXPQ và FXVQ, tỉ lệ kết nối tối đa là 130% cho toàn bộ dàn lạnh.

Chú ý: Nếu công suất vận hành dàn lạnh lớn hơn 130%, tất cả các dàn lạnh phải hoạt động ở mức gió thấp.
*Tham khảo ở trang 21 để biết thêm về các tổ hợp dàn nóng.

$$\text{Tỷ lệ kết nối} = \frac{\text{Tổng công suất danh nghĩa dàn lạnh}}{\text{Công suất danh nghĩa dàn nóng}}$$

Khi kết nối hỗn hợp dàn lạnh của VRV và dàn lạnh dân dụng



Khi kết nối hỗn hợp giữa dàn lạnh VRV và dàn lạnh dân dụng

Chiều dài đường ống tối đa cho phép	Chiều dài đường ống thực tế (Tương đương)		100 m (120 m)
	Tổng chiều dài đường ống		250 m
	Giữa bộ BP và dàn lạnh	Nếu công suất danh nghĩa dàn lạnh < 60.	2 m–15 m
		Nếu công suất danh nghĩa dàn lạnh 60 và 71.	2 m–8 m
Chiều dài đường ống tối thiểu cho phép	Giữa nhánh dàn lạnh đầu tiên và bộ BP xa nhất hoặc Giữa nhánh dàn lạnh đầu tiên và dàn lạnh VRV xa nhất		50 m ^{*1}
	Giữa dàn nóng và nhánh dàn lạnh đầu tiên		5 m
Chênh lệch độ cao tối đa cho phép	Giữa các dàn lạnh		15 m
	Giữa các bộ BP		15 m
	Giữa dàn nóng và dàn lạnh	Nếu dàn nóng ở phía trên.	50 m
		Nếu dàn nóng ở phía dưới.	40 m
	Giữa dàn nóng và bộ BP		40 m
	Giữa và bộ BP dàn lạnh		5 m

*1. Nếu chiều dài đường ống giữa nhánh dàn lạnh đầu tiên và bộ BP hoặc dàn lạnh VRV lớn hơn 20m, cần phải tăng tiết diện đường ống lỏng và hơi giữa nhánh dàn lạnh đầu tiên và bộ BP hoặc dàn lạnh VRV. Nếu đường kính của đường ống tăng thêm vượt quá đường kính của đường ống trước nhánh dàn lạnh đầu tiên, thì sau đó cũng cần tăng kích thước ống lỏng và ống hơi. Vui lòng tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết.

* Khi một kết nối hỗn hợp giữa dàn lạnh VRV và dàn lạnh dân dụng hoặc chỉ kết nối với dàn lạnh dân dụng, tỉ lệ kết nối phải từ 50% đến 130%. Xem thêm trang 21 để biết thêm thông tin về kết nối hỗn hợp dàn nóng.

Công nghệ chống ăn mòn

Model chống ăn mòn mạnh

VRV X MAX

RXUQ6-20AYMW
RXUQ12-60AM(1)YMW

Dành cho
Vùng ven
biển



Chống ăn mòn và hiệu suất tối đa

Vỏ ngoài

Nhiều lớp phủ cho độ bền cực cao

Sử dụng tấm thép mạ kẽm - nhôm - magie nhúng nóng để chống sự ăn mòn mạnh, với thêm 4 lớp phủ cho độ bền cao hơn.



Phủ 4 lớp

Lớp phủ trong suốt đặc biệt
Lớp phủ kim loại đặc biệt
Lớp phủ tinh điện giữa
Lớp phủ cơ bản

Tấm thép mạ kẽm - nhôm - magie nhúng nóng

Chống ăn mòn được kiểm chứng bởi thí nghiệm phản ứng

Mặc dù model chống ăn mòn trước đây bị rỉ sét, vỏ ngoài **VRV X MAX** không có dấu hiệu bị ăn mòn trong cả hai thử nghiệm.

*Việc cắt chéo được thực hiện để mô phỏng một trường hợp hư hỏng và sự ăn mòn (Không phải từ việc sử dụng thường xuyên).

Thí nghiệm phun muối

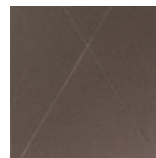
Model trước

VRV X MAX



✗

: Ăn mòn



✓

: Không ăn mòn

Thí nghiệm CASS

Model trước

VRV X MAX



✗

: Ăn mòn



✓

: Không ăn mòn

Dàn trao đổi nhiệt (Cánh)

Công nghệ chống ăn mòn

Các cánh nhôm **VRV X MAX** được sản xuất với lớp chống ăn mòn dày hơn với 2 lớp bổ sung.

Thí nghiệm CASS

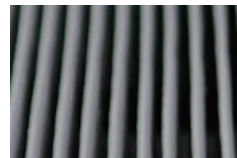
Model trước

VRV X MAX



✗

: Ăn mòn



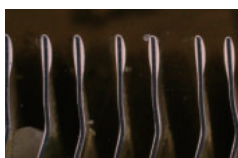
✓

: Không ăn mòn



Công nghệ hiệu suất cao

Cánh nhôm mới dày hơn 21% để duy trì hiệu suất.



Đạt được cả chống ăn mòn và hiệu suất cao

Dây chuyền sơn phủ tự động

Để ngăn chặn sự khác biệt về độ dày của lớp phủ do thao tác thủ công, lớp cánh phủ bổ sung được trang bị trên dây chuyền lắp ráp tự động mới nhất, duy trì độ chính xác và chất lượng cao.

Lớp phủ chống ăn mòn*
Lớp phủ nền*
Cánh nhôm chống ăn mòn cao
Cánh nhôm

* Chỉ ở mặt vỏ ngoài

Tuổi thọ tối đa

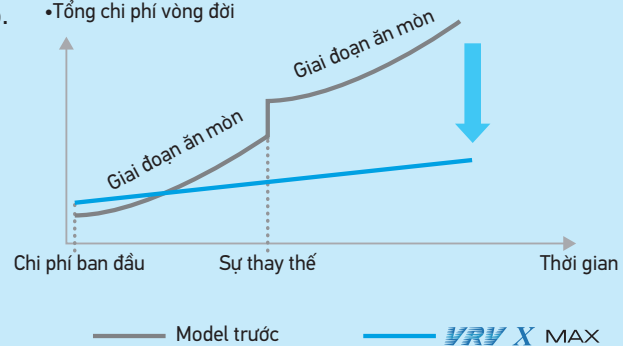
Chỉ vỏ ngoài và cánh được chứng nhận bởi bên thứ 3 về độ bền.
(ISO 9227: thí nghiệm phun muối) cho cánh tản nhiệt và vỏ máy
ISO 12944: 2018 Mục C5 và được xác nhận ở cấp độ (VH) rất cao.

ISO 12944-6:2018	: Sơn và vecni - Bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn phủ
Mục C5	: Khu công nghiệp có độ ẩm cao và bầu không khí khắc nghiệt và các vùng ven biển với độ mặn cao
Cấp độ VH	: Rất cao (tương đương với tuổi thọ là 25 năm *)
ISO 9227	: Kiểm tra ăn mòn trong không khí nhân tạo-thí nghiệm phun muối

* Số năm này không phải là thời gian bảo hành của sản phẩm.
Tuổi thọ sản phẩm phụ thuộc vào vị trí lắp đặt và điều kiện hoạt động.

Model mới chống ăn mòn bởi muối, duy trì hiệu suất và giảm chi phí vòng đời đáng kể.

• Tổng chi phí vòng đời



VRV X MAX

Dành cho vùng ven biển

Model trước: chống mặn mòn

VRV X MAX : Chống ăn mòn Mạnh

300 - 1,000 m	0 - 1,000 m
----------------------	--------------------

Thông số kỹ thuật của model chống ăn mòn

STT	Bộ phận		Model tiêu chuẩn	VRV X MAX
1	Tấm vỏ kim loại	Vỏ ngoài	Tấm mạ kẽm nhúng nóng + sơn tĩnh điện	Thép mạ hợp kim kẽm - nhôm - magie nhúng nóng + Lớp phủ nền + Lớp sơn tĩnh điện giữa + Lớp phủ kim loại đặc biệt (màu nâu) + Lớp phủ ngoài trong suốt
2	Lưới xả - Lưới bảo vệ		Lớp phủ PE tỷ trọng thấp (LDPE)	
3	Ốc		SWCH + tấm mạ kẽm - niken mỏng	SUS410 + tấm mạ kẽm - niken mỏng
4	Dàn trao đổi nhiệt		Ống đồng + cánh nhôm tiêu chuẩn	Ống đồng + cánh nhôm chống ăn mòn
5	Cánh nhôm		Cánh nhôm + chống ăn mòn Hydrophilic	Cánh nhôm + Cánh nhôm chống ăn mòn cao + Lớp phủ lót (Chỉ khu vực bên ngoài) + Lớp phủ chống ăn mòn (Chỉ khu vực bên ngoài)
6	Tấm kết thúc bộ trao đổi nhiệt		Tấm mạ hợp kim kẽm - nhôm - magie nhúng nóng không sơn phủ	Tấm mạ kẽm nhúng nóng + lớp phủ polyurethane chống ăn mòn
7	Đế động cơ quạt • Hộp điện • Tấm kim loại bên trong		Tấm sắt mạ kẽm	Tấm mạ kẽm nhúng nóng + lớp phủ polyurethane chống ăn mòn
8	Quạt • Động cơ quạt		Quạt nhựa + động cơ vỏ nhựa	
9	Bình áp lực (tách dầu)		Tấm thép cán nóng + sơn	Thép tấm cán nóng + Phủ 2 lớp chống gỉ với sơn đậm
10	Bảng mạch		Phủ 2 mặt nhựa	Được mở rộng cả 2 mặt nhựa

Dãy dàn nóng

VRV X Series

Công suất dàn nóng lên đến 60 HP (168 kW) với mức tăng 2 HP.

Dãy sản phẩm

HP		6	8	10	12	14	16	18	20	22	24	26	28	30	32	34	36	38	40	42	44	46	48	50	52	54	56	58	60
VRV X SERIES	Dàn nóng đơn	●	●	●	●	●	●	●	●																				
	Tổ hợp 2 dàn nóng				●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●										
	Tổ hợp 3 dàn nóng							●	●											●	●	●	●	●	●	●	●	●	●

Tổ hợp dàn nóng

Đối với kết hợp của các dàn lạnh VRV

HP	kW	Công suất danh định	Tên model	Tổ hợp	Công cụ kết nối các dàn nóng*1	Tổng công suất danh định của tổ hợp dàn lạnh*2	Số dàn lạnh kết nối tối đa*2
6	16.0	150	RXUQ6A	RXUQ6A	—	75 đến 195 (300)	9 (15)
8	22.4	200	RXUQ8A	RXUQ8A	—	100 đến 260 (400)	13 (20)
10	28.0	250	RXUQ10A	RXUQ10A	—	125 đến 325 (500)	16 (25)
12	33.5	300	RXUQ12A	RXUQ12A	—	150 đến 390 (600)	19 (30)
14	40.0	350	RXUQ14A	RXUQ14A	—	175 đến 455 (700)	22 (35)
16	45.0	400	RXUQ16A	RXUQ16A	—	200 đến 520 (800)	26 (40)
18	50.0	450	RXUQ18A	RXUQ18A	—	225 đến 585 (900)	29 (45)
20	56.0	500	RXUQ20A	RXUQ20A	—	250 đến 650 (1,000)	32 (50)
12	32.0	300	RXUQ12AM	RXUQ6A + RXUQ6A	BHFP22P100	150 đến 390 (480)	19 (24)
14	38.4	350	RXUQ14AM	RXUQ6A + RXUQ8A		175 đến 455 (560)	22 (28)
16	44.8	400	RXUQ16AM	RXUQ8A + RXUQ8A		200 đến 520 (640)	26 (32)
18	50.4	450	RXUQ18AM	RXUQ8A + RXUQ10A		225 đến 585 (720)	29 (36)
20	55.9	500	RXUQ20AM	RXUQ8A + RXUQ12A		250 đến 650 (800)	32 (40)
18	48.0	450	RXUQ18AM1	RXUQ6A × 3	BHFP22P151	225 đến 585 (585)	29 (29)
20	54.4	500	RXUQ20AM1	RXUQ6A × 2 + RXUQ8A		250 đến 650 (650)	32 (32)
22	61.5	550	RXUQ22AM	RXUQ10A + RXUQ12A		275 đến 715 (880)	35 (44)
24	67.0	600	RXUQ24AM	RXUQ12A × 2		300 đến 780 (960)	39 (48)
26	73.5	650	RXUQ26AM	RXUQ12A + RXUQ14A		325 đến 845 (1,040)	42 (52)
28	78.5	700	RXUQ28AM	RXUQ12A + RXUQ16A	BHFP22P100	350 đến 910 (1,120)	45 (56)
30	83.5	750	RXUQ30AM	RXUQ12A + RXUQ18A		375 đến 975 (1,200)	48 (60)
32	89.5	800	RXUQ32AM	RXUQ12A + RXUQ20A		400 đến 1,040 (1,280)	52 (64)
34	96.0	850	RXUQ34AM	RXUQ14A + RXUQ20A		425 đến 1,105 (1,360)	55 (64)
36	101	900	RXUQ36AM	RXUQ16A + RXUQ20A		450 đến 1,170 (1,440)	58 (64)
38	106	950	RXUQ38AM	RXUQ18A + RXUQ20A		475 đến 1,235 (1,520)	61 (64)
40	112	1,000	RXUQ40AM	RXUQ20A × 2		500 đến 1,300 (1,600)	64 (64)
42	117	1,050	RXUQ42AM	RXUQ12A × 2 + RXUQ18A	BHFP22P151	525 đến 1,365 (1,365)	64 (64)
44	123	1,100	RXUQ44AM	RXUQ12A × 2 + RXUQ20A		550 đến 1,430 (1,430)	
46	130	1,150	RXUQ46AM	RXUQ12A + RXUQ14A + RXUQ20A		575 đến 1,495 (1,495)	
48	135	1,200	RXUQ48AM	RXUQ12A + RXUQ16A + RXUQ20A		600 đến 1,560 (1,560)	
50	140	1,250	RXUQ50AM	RXUQ12A + RXUQ18A + RXUQ20A		625 đến 1,625 (1,625)	
52	146	1,300	RXUQ52AM	RXUQ12A + RXUQ20A × 2		650 đến 1,690 (1,690)	
54	152	1,350	RXUQ54AM	RXUQ14A + RXUQ20A × 2		675 đến 1,755 (1,755)	
56	157	1,400	RXUQ56AM	RXUQ16A + RXUQ20A × 2		700 đến 1,820 (1,820)	
58	162	1,450	RXUQ58AM	RXUQ18A + RXUQ20A × 2		725 đến 1,885 (1,885)	
60	168	1,500	RXUQ60AM	RXUQ20A × 3		750 đến 1,950 (1,950)	

Ghi chú: *1. Đối với kết nối tổ hợp, cần phải có bộ nối đa chức năng dàn nóng (bán riêng).

*2. Giá trị trong ngoặc dựa trên kết nối các dàn lạnh được ghi nhận ở mức công suất tối đa, 200% dàn nóng đơn, 160% cho các tổ hợp 2 dàn nóng và 130% cho tổ hợp 3 dàn nóng. Tham khảo trang 17 để biết thêm chi tiết tổ hợp dàn nóng

Đối với kết hợp của dàn lạnh VRV và các dàn lạnh dân dụng

Tên model* ¹	kW	HP	Công suất danh định	Tổng công suất danh định của tổ hợp dàn lạnh* ²			Số dàn lạnh kết nối tối đa
				Tổ hợp (%)* ²			
				50%	100%	130%	
RXUQ6AYM(W)	16.0	6	150	75	150	195	9
RXUQ8AYM(W)	22.4	8	200	100	200	260	13
RXUQ10AYM(W)	28.0	10	250	125	250	325	16
RXUQ12AYM(W)	33.5	12	300	150	300	390	19
RXUQ14AYM(W)	40.0	14	350	175	350	455	22
RXUQ16AYM(W)	45.0	16	400	200	400	520	26
RXUQ18AYM(W)	50.0	18	450	225	450	585	29
RXUQ20AYM(W)	56.0	20	500	250	500	650	32

Ghi chú: *1. Duy nhất dàn nóng đơn (RXUQ6-20AYM(W)) có thể kết nối.

*2. Tổng công suất danh định của các dàn lạnh có thể kết nối phải đạt 50% -130% công suất danh định của dàn nóng.

Dàn nóng

VRV X Series

Thông số kỹ thuật

											
MODEL			RXUQ6AYM(W)	RXUQ8AYM(W)	RXUQ10AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ14AYM(W)	RXUQ16AYM(W)	RXUQ18AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	
Tổ hợp kế nối			—	—	—	—	—	—	—	—	
			—	—	—	—	—	—	—	—	
			—	—	—	—	—	—	—	—	
Nguồn điện			Hệ 3 pha 4 dây, 380-415 V/380 V, 50/60 Hz								
Công suất làm lạnh		Btu/h	54,600	76,400	95,500	114,000	136,000	154,000	171,000	191,000	
		kW	16.0	22.4	28.0	33.5	40.0	45.0	50.0	56.0	
Điện năng tiêu thụ		kW	3.23	4.82	6.29	7.81	9.46	11.4	12.8	14.8	
Điều khiển công suất		%	23-100	19-100	13-100	12-100	11-100	9-100		7-100	
Màu vỏ máy			Trắng ngà (5Y7.5/1) (Màu nâu kim loại ★ ¹)								
Máy nén	Loại	Xoắn ốc (scroll) dạng kín									
	Công suất động cơ	kW	2.4×1	3.4×1	4.2×1	5.2×1	(3.4×1)+(2.9×1)	(3.4×1)+(3.9×1)	(3.7×1)+(4.3×1)	(4.9×1)+(4.2×1)	
Lưu lượng gió		m ³ /phút	119	178		191	218		268	297	
Kích thước (CxRxĐ)		mm	1,657×930×765			1,657×1,240×765					
Trọng lượng		kg	185 (195) ★ ¹			215 (235) ★ ¹		275 (295) ★ ¹		291 (316) ★ ¹	
Độ ồn		dB(A)	54	56		58	59		62	65	
Phạm vi vận hành		°CDB	10 đến 49								
Môi chất lạnh	Loại	R-410A									
	Lượng nạp	kg	6.4	6.6	8.3	8.5	9.7	9.8	11.7		
Ống kết nối	Lồng	mm	φ 9.5 (Hàn)			φ 12.7 (Hàn)			φ 15.9 (Hàn)		
	Hơi	mm	φ 19.1 (Hàn)		φ 22.2 (Hàn)	φ 28.6 (Hàn)					

										
MODEL			RXUQ28AYM(W)	RXUQ30AYM(W)	RXUQ32AYM(W)	RXUQ34AYM(W)	RXUQ36AYM(W)	RXUQ38AYM(W)	RXUQ40AYM(W)	
Tổ hợp kế nối			RXUQ12AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ14AYM(W)	RXUQ16AYM(W)	RXUQ18AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	
			RXUQ16AYM(W)	RXUQ18AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	
			—	—	—	—	—	—	—	
Nguồn điện			Hệ 3 pha 4 dây, 380-415 V/380 V, 50/60 Hz							
Công suất làm lạnh		Btu/h	268,000	285,000	305,000	328,000	345,000	362,000	382,000	
		kW	78.5	83.5	89.5	96.0	101	106	112	
Điện năng tiêu thụ		kW	19.2	20.6	22.6	24.3	26.2	27.6	29.6	
Điều khiển công suất		%	5-100				4-100			
Màu vỏ máy			Trắng ngà (5Y7.5/1) (Màu nâu kim loại ★)							
Máy nén	Loại		Xoắn ốc (scroll) dạng kín							
	Công suất động cơ	kW	(5.2×1)+(3.4×1)+(3.9×1)	(5.2×1)+(3.7×1)+(4.3×1)	(5.2×1)+(4.9×1)+(4.2×1)	(3.4×1)+(2.9×1)+(4.9×1)+(4.2×1)	(3.4×1)+(3.9×1)+(4.9×1)+(4.2×1)	(3.7×1)+(4.3×1)+(4.9×1)+(4.2×1)	(4.9×1)+(4.2×1)+(4.9×1)+(4.2×1)	
Lưu lượng gió		m³/phút	191+218	191+268	191+297	218+297		268+297	297+297	
Kích thước (CxRxĐ)		mm	(1,657×1,240×765)+(1,657×1,240×765)							
Trọng lượng		kg	215+275 (235+295)★¹	215+291 (235+316)★¹		275+291 (295+316)★¹		291+291 (316+316)★¹		
Độ ồn		dB(A)	62	63	66			67	68	
Phạm vi vận hành		°CDB	10 đến 49							
Môi chất lạnh	Loại		R-410A							
	Lượng nạp	kg	8.5+9.8	8.5+11.7		9.7+11.7	9.8+11.7	11.7+11.7		
Ống kết nối	Lồng	mm	φ 19.1 (Hàn)							
	Gas	mm	φ 34.9 (Hàn)				φ 41.3 (Hàn)			

Ghi chú: Những thông số kỹ thuật được xác định trong điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ bên ngoài: 35°CDB. Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m. Độ chênh lệch: 0m.
- Độ ồn: Giá trị qui đổi trong điều kiện không khí đối ẩm, được đo tại điểm cách 1 m phía trước và 1,5 m phía trên dàn nóng.

Trong suốt quá trình vận hành thực tế, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh và chế độ hồi drafts.

Khi có lo ngại về tiếng ồn xung quanh khu vực như nhà ở, chúng tôi khuyến bạn nên kiểm tra vị trí lắp đặt và thực hiện các biện pháp cách âm.

Một chiều lạnh

											
	RXUQ12AMYM(W)	RXUQ14AMYM(W)	RXUQ16AMYM(W)	RXUQ18AMYM(W)	RXUQ20AMYM(W)	RXUQ18AM1YM(W)	RXUQ20AM1YM(W)	RXUQ22AMYM(W)	RXUQ24AMYM(W)	RXUQ26AMYM(W)	
	RXUQ6AYM(W)	RXUQ6AYM(W)	RXUQ8AYM(W)	RXUQ8AYM(W)	RXUQ8AYM(W)	RXUQ6AYM(W)	RXUQ6AYM(W)	RXUQ10AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	
	RXUQ6AYM(W)	RXUQ8AYM(W)	RXUQ8AYM(W)	RXUQ10AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ6AYM(W)	RXUQ6AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ14AYM(W)	
	—	—	—	—	—	RXUQ6AYM(W)	RXUQ8AYM(W)	—	—	—	
	Hệ 3 pha 4 dây, 380-415 V/380 V, 50/60 Hz										
	109,000	131,000	153,000	172,000	191,000	164,000	186,000	210,000	229,000	251,000	
	32.0	38.4	44.8	50.4	55.9	48.0	54.4	61.5	67.0	73.5	
	6.46	8.05	9.64	11.1	12.6	9.69	11.3	14.1	15.6	17.3	
	11-100	10-100	9-100	8-100	7-100	8-100	7-100	6-100			
	Trắng ngà (5Y7.5/1) (Màu nâu kim loại ★1)										
	Xoắn ốc (scroll) dạng kín										
	(2,4×1)+(2,4×1)	(2,4×1)+(3,4×1)	(3,4×1)+(3,4×1)	(3,4×1)+(4,2×1)	(3,4×1)+(5,2×1)	(2,4×1)+(2,4×1)+(2,4×1)	(2,4×1)+(2,4×1)+(3,4×1)	(4,2×1)+(5,2×1)	(5,2×1)+(5,2×1)	(5,2×1)+(3,4×1)+(2,9×1)	
	119+119	119+178	178+178		178+191	119+119+119	119+119+178	178+191	191+191	191+218	
	(1,657×930×765)+(1,657×930×765)			(1,657×930×765)+(1,657×1,240×765)		(1,657×930×765)+(1,657×930×765)+(1,657×930×765)			(1,657×1,240×765)+(1,657×1,240×765)		
	185+185 (195+195) ★1			185+215 (195+235) ★1		185+185+185 (195+195+195) ★1			215+215 (235+235) ★1		
	57	58	59		60	59	60		61	62	
	10 đến 49										
	R-410A										
	6.4+6.4	6.4+6.6	6.6+6.6	6.6+8.3	6.6+8.5	6.4+6.4+6.4	6.4+6.4+6.6	8.3+8.5	8.5+8.5	8.5+9.7	
	φ 12.7 (Hàn)			φ 15.9 (Hàn)							φ 19.1 (Hàn)
	φ 28.6 (Hàn)								φ 34.9 (Hàn)		

									
RXUQ42AMYM(W)	RXUQ44AMYM(W)	RXUQ46AMYM(W)	RXUQ48AMYM(W)	RXUQ50AMYM(W)	RXUQ52AMYM(W)	RXUQ54AMYM(W)	RXUQ56AMYM(W)	RXUQ58AMYM(W)	RXUQ60AMYM(W)
RXUQ12AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ14AYM(W)	RXUQ16AYM(W)	RXUQ18AYM(W)	RXUQ20AYM(W)
RXUQ12AYM(W)	RXUQ12AYM(W)	RXUQ14AYM(W)	RXUQ16AYM(W)	RXUQ18AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)
RXUQ18AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)	RXUQ20AYM(W)
Hệ 3 pha 4 dây, 380-415 V/380 V, 50/60 Hz									
399,000	420,000	444,000	461,000	478,000	498,000	519,000	536,000	553,000	573,000
117	123	130	135	140	146	152	157	162	168
28.4	30.4	32.1	34.0	35.4	37.4	39.1	41.0	42.4	44.4
4-100	3-100								2-100
Trắng ngà (5Y7.5/1) (Màu nâu kim loại ★1)									
Xoắn ốc (scroll) dạng kín									
(5.2x1)+(5.2x1)+(3.7x1)+(4.3x1)	(5.2x1)+(5.2x1)+(4.9x1)+(4.2x1)	(5.2x1)+(3.4x1)+(2.9x1)+(4.9x1)+(4.2x1)	(5.2x1)+(3.4x1)+(3.9x1)+(4.9x1)+(4.2x1)	(5.2x1)+(3.7x1)+(4.3x1)+(4.9x1)+(4.2x1)	(5.2x1)+(4.9x1)+(4.2x1)+(4.9x1)+(4.2x1)	(3.4x1)+(2.9x1)+(4.9x1)+(4.2x1)+(4.9x1)+(4.2x1)	(3.4x1)+(3.9x1)+(4.9x1)+(4.2x1)+(4.9x1)+(4.2x1)	(3.7x1)+(4.3x1)+(4.9x1)+(4.2x1)+(4.9x1)+(4.2x1)	(4.9x1)+(4.2x1)+(4.9x1)+(4.2x1)+(4.9x1)+(4.2x1)
191+191+268	191+191+297	191+218+297		191+268+297	191+297+297	218+297+297		268+297+297	297+297+297
(1,657×1,240×765)+(1,657×1,240×765)+(1,657×1,240×765)									
215+215+291 (235+235+316) ★1		215+275+291 (235+295+316) ★1		215+291+291 (235+316+316) ★1		275+291+291 (295+316+316) ★1		291+291+291 (316+316+316) ★1	
65	66	67			68	69			70
10 đến 49									
R-410A									
8.5+8.5+11.7		8.5+9.7+11.7	8.5+9.8+11.7	8.5+11.7+11.7		9.7+11.7+11.7	9.8+11.7+11.7	11.7+11.7+11.7	
φ 19.1 (Hàn)									
φ 41.3 (Hàn)									

Note: ★1. Các model có (W) là thông số kỹ thuật của dàn nóng chống ăn mòn. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo thông tin trang 19 - 20.



Cảnh báo



- Hãy yêu cầu một nhà thầu hay người lắp đặt có chuyên môn lắp đặt thiết bị này. Không cố tự lắp đặt thiết bị vì lắp đặt không đúng cách có thể dẫn đến rò rỉ nước, chất làm lạnh, gây chập điện hay cháy nổ.
- Chỉ sử dụng linh kiện hay phụ tùng thay thế do Daikin chỉ dẫn hoặc cung cấp. Hãy yêu cầu một nhà thầu hoặc người lắp đặt có chuyên môn lắp đặt các linh kiện, phụ tùng thay thế. Sử dụng các linh kiện hay phụ tùng thay thế không được phép hay lắp đặt không đúng cách có thể dẫn đến rò rỉ nước, chất làm lạnh, gây chập điện hay cháy nổ.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Sách hướng dẫn sử dụng có cung cấp các hướng dẫn an toàn và cảnh báo quan trọng. Phải tuyệt đối tuân thủ theo những chỉ dẫn này.
- Đây là thiết bị biến tần nên có thể sinh ra sóng hài. Nếu pháp luật sở tại yêu cầu cần triệt tiêu sóng hài tại công trình, vui lòng phối hợp với đơn vị thiết kế điện để thực hiện các biện pháp triệt tiêu sóng hài. Liên hệ với nhà cung cấp địa phương để có thêm chi tiết.

Thông báo



Liên hệ với nhà nhập khẩu, nhà phân phối và/hoặc nhà bán lẻ tại địa phương khi có yêu cầu..

Lưu ý về sự ăn mòn sản phẩm

1. Không nên lắp đặt máy điều hòa không khí tại những nơi sinh ra khí ăn mòn như khí axit hoặc kiềm.
2. Nếu dàn nóng được lắp gần bờ biển, nên tránh vị trí đón gió biển trực tiếp. Nếu bạn muốn lắp dàn nóng gần bờ biển, hãy liên hệ với nhà phân phối tại địa phương.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)

VĂN PHÒNG CHÍNH

Tầng 12, tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP. Hồ Chí Minh, Tel: (028) 62 504 888

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower,
1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (024) 3565 7677

CHI NHÁNH CẦN THƠ

37-38 Võ Nguyên Giáp, Khu dân cư Phú An,
P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
Tel: (0292) 626 9977

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số 7 lô 8A đường Lê Hồng Phong,
P. Đồng Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: (0225) 383 2900

CHI NHÁNH KHÁNH HÒA

Tầng 8, tòa nhà VCN, Số 2 Tổ Hữu,
Khu đô thị VCN, P. Phước Hải, TP. Nha Trang
Tel: (0258) 625 8158

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 12, tòa nhà PVcomBank, Lô A2.1, Đường 30/4,
P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0236) 362 4250

CHI NHÁNH NGHỆ AN

Số 2 Nguyễn Sỹ Sách, P. Hưng Bình, TP. Vinh
Tel: (0238) 872 7785



DỊCH VỤ SAU BÁN HÀNG

HOTLINE
1800 6777
1800 1577
(miễn phí)

DaikinVietnam

www.daikin.com.vn

VRV is a trademark of Daikin Industries, Ltd.

VRV Air Conditioning System is the world's first individual air conditioning system with variable refrigerant flow control and was commercialised by Daikin in 1982.

VRV is the trademark of Daikin Industries, Ltd., which is derived from the technology we call "variable refrigerant volume."

Thông số kỹ thuật, thiết kế và các nội dung khác xuất hiện trong tập tài liệu này phát hành kể từ tháng 5 năm 2021 nhưng có thể thay đổi mà không cần báo trước.